

Bản án số: 55/2025/HNGĐ-ST

Ngày 11/12/2025.

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Huyền và bà Hoàng Thị Hòa

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Kiều Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa (Cơ sở 2) xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 192/2025/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2025 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 25/11/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Đỗ Xuân L, sinh năm 1988. Có đơn xét xử vắng mặt.

Nơi đăng ký HKTT: Thôn H, xã H, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1988. Có đơn xét xử vắng mặt.

Nơi đăng ký HKTT: Thôn V, xã H, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/10/2025, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Đỗ Xuân L trình bày như sau:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, cưới có đăng ký kết hôn do UBND xã H, huyện H (nay là xã H, tỉnh Thanh Hóa) cấp đăng ký kết hôn ngày 10/11/2021. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn đến năm 2022 xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, mâu thuẫn xảy ra ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng dần nứt không ai quan tâm đến nhau, hơn nữa do anh thường xuyên đi tàu trên biển nên không liên lạc được, từ đó vợ chồng sống ly thân. Năm 2023 chị T đã làm đơn ly hôn nhưng do anh chưa về được nên Tòa án chưa giải quyết, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, không có khả năng hàn gắn

đoàn tụ được nữa, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

Về con: Anh và chị T có 01 con chung là Đỗ Tuệ N, sinh ngày 08/6/2022, từ khi sinh đến nay cháu ở với mẹ và ông bà ngoại. Nay ly hôn anh đồng ý giao cháu cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản và công nợ: Anh Đỗ Xuân L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập chị Nguyễn Thị T nhiều lần đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn với anh L nhưng chị T không đến. Do đó Tòa án đến gia đình giao các văn bản tố tụng cho người thân chị T là ông Nguyễn Xuân T1 (Bố đẻ chị T). Ông T1 cho biết chị T đi làm ăn từ năm 2024 gửi con cho ông bà chăm sóc, nuôi dưỡng, ông không biết địa chỉ cụ thể nên không cung cấp cho Tòa án được, khi ông nhận được thông báo thụ lý của Tòa án ông đã báo cho chị T được biết việc anh L có đơn ly hôn chị T và cung cấp cho Tòa án đơn đề nghị của chị T, nội dung đơn cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Chị và anh Đỗ Xuân L tự nguyện đến với nhau, có đăng ký kết hôn do UBND xã H, huyện H (nay là xã H, tỉnh Thanh Hóa) cấp năm 2021. Sau khi đăng ký kết hôn hai người không tổ chức cưới mà về chung sống với nhau được một thời gian ngắn đến năm 2022 xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên chị về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó đến nay, vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến nhau. Tháng 01/2023 chị đã làm đơn ly hôn anh L nhưng khi đó anh L không có nhà nên chưa giải quyết được. Nay anh L làm đơn ly hôn, chị xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn nên đồng ý ly hôn.

Về con: Chị và anh L có 01 con chung là Đỗ Tuệ N, sinh ngày 08/6/2022, từ khi sinh đến nay do vợ chồng đang mâu thuẫn với nhau nên một mình chị là người trực tiếp chăm sóc, nuôi con. Nay ly hôn nguyện vọng của chị là được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con, yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do công việc bận chị không về Tòa án giải quyết việc ly hôn được nên chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, mọi giấy tờ đề nghị Tòa án giao cho ông Nguyễn Xuân T1 đó đẻ chị nhận thay.

Theo đơn yêu cầu của anh Đỗ Xuân L, Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn và con chung giữa anh Đỗ Xuân L và chị Nguyễn Thị T tại UBND xã H thể hiện:

Về hôn nhân: Anh Đỗ Xuân L và chị Nguyễn Thị T có đăng ký kết hôn do UBND xã H, huyện H (nay là xã H, tỉnh Thanh Hóa) cấp ngày 10/11/2021. Sau khi đăng ký kết hôn hai bên chung sống với nhau, trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn với nhau như thế nào địa phương không biết.

Về con: Anh Đỗ Xuân L và chị Nguyễn Thị T có một con chung là Đỗ Tuệ N,

sinh ngày 08/6/2022 hiện nay đang ở với bố mẹ đẻ chị T.

Về sự có mặt của chị Nguyễn Thị T tại địa phương: Chị T có đăng ký thường trú tại thôn V, xã H, tỉnh Thanh Hóa. Trước đây chị T làm cán bộ ở xã H, huyện H cũ, năm 2024 chị T bỏ việc ra ngoài làm ăn. Hiện nay không có mặt tại gia đình, địa phương không biết địa chỉ để cung cấp cho Tòa án.

Nay anh Đỗ Xuân L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Nguyễn Thị T, do anh L không gửi đơn đến thôn và UBND xã nên không biết nguyên nhân mâu thuẫn và không tổ chức hòa giải được, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Thanh Hóa tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về Tố tụng dân sự, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng, đầy đủ quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về quyền, nghĩa vụ của đương sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35, Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2, 3 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Đỗ Xuân L, anh Đỗ Xuân L được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

Về con: Giao cháu Đỗ Tuệ N cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Đỗ Xuân L có quyền qua lại thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đỗ Xuân L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nguyễn Thị T mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 12/2025 cho đến khi cháu N đủ tuổi thành niên.

Về tài sản, công nợ: Anh L1, chị T không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Anh Đỗ Xuân L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Anh Đỗ Xuân L khởi kiện ly hôn chị Nguyễn Thị T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn V, xã H, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2,3 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Xuân L và chị Nguyễn Thị T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được UBND xã H, huyện H (nay là xã H, tỉnh Thanh Hóa) cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 10/11/2021, như vậy hôn nhân giữa anh L, chị T là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn được một thời gian ngắn đến năm 2022 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên chị về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay không ai quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn, đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh L làm đơn ly hôn, chị T cũng đồng ý nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh L, chị T là phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện nay.

[3] Về con: Anh Đỗ Xuân L và chị Nguyễn Thị T có một con chung là Đỗ Tuệ N, sinh ngày 08/6/2022.

Quá trình giải quyết vụ án anh L và chị T thống nhất từ khi vợ chồng sống ly thân con ở với chị T, nay giao con cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp, anh L cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng 2.000.000 đồng.

[4] Về tài sản, công nợ: Anh L1, chị T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về tố tụng: Anh Đỗ Xuân L có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, anh Đỗ Xuân L và chị Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 207; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án không tiến hành hòa giải và quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Nguyên đơn anh Đỗ Xuân L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35, Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 207; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2,3 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15;

Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Đỗ Xuân L.

Về hôn nhân: Anh Đỗ Xuân L được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

Về con: Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đỗ Tuệ N, sinh ngày 08/6/2022. Anh Đỗ Xuân L có quyền, nghĩa vụ qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Đỗ Xuân L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 12/2025 cho đến khi cháu Đỗ Tuệ N đủ tuổi thành niên.

Về tài sản, công nợ: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí: Anh Đỗ Xuân L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và 300.000 đồng án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số ký hiệu BLTU/25E số 0001775 ngày 17 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. Anh L1 còn phải nộp 300.000 đồng án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Anh Đỗ Xuân L và chị Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND khu vực 4- Thanh Hóa
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Hoàng Giang, tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Cao Thị Nga

